

Số: **3283** /BC-BKHCN

Hà Nội, ngày **22** tháng **9** năm 2023

## **BÁO CÁO**

**Tổng kết việc thi hành Quyết định số 36/2010/QĐ-TTg ngày 15/4/2010  
của Thủ tướng Chính phủ ban hành “Quy chế phối hợp kiểm tra  
chất lượng sản phẩm, hàng hóa”**

Kính gửi: Thủ tướng Chính phủ

Việc quản lý nhà nước về tiêu chuẩn đo lường chất lượng được thực hiện trên 03 Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật (Luật TC&QCKT), Luật Đo lường và Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa, và trên 03 lĩnh vực này, tại các Luật và Nghị định quy định chi tiết thi hành một số điều của luật đều giao trách nhiệm cho các Bộ, ngành, địa phương trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm thực hiện việc thanh tra, kiểm tra việc chấp hành pháp luật của tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp trong việc thực thi pháp luật về tiêu chuẩn đo lường chất lượng.

Triển khai thi hành quy định tại điểm d khoản 3 Điều 21 Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31/12/2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa (sau đây gọi tắt là Nghị định số 132/2008/NĐ-CP) “*Bộ Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với các Bộ quản lý ngành, lĩnh vực ... xây dựng và trình Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế phối hợp giữa các cơ quan kiểm tra quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này và cơ quan kiểm tra chất lượng sản phẩm, hàng hóa ở địa phương trong việc kiểm tra chất lượng sản phẩm, hàng hóa thuộc phạm vi được phân công với các cơ quan thanh tra, cơ quan hải quan, công an, quản lý thị trường*”, ngày 15/4/2010, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 36/2010/QĐ-TTg ban hành “Quy chế phối hợp kiểm tra chất lượng sản phẩm, hàng hóa”.

Thực hiện Quyết định số 36/2010/QĐ-TTg ngày 15/4/2010 của Thủ tướng Chính phủ ban hành “Quy chế phối hợp kiểm tra chất lượng sản phẩm, hàng hóa” (sau đây gọi tắt là Quyết định số 36/2010/QĐ-TTg), các Bộ, ngành, địa phương và cơ quan liên quan đã căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao, tổ chức phối hợp, xây dựng và thực hiện kế hoạch hằng năm, chuyên đề về kiểm tra chất lượng sản phẩm, hàng hóa nhằm tránh chồng chéo, trùng lặp về nội dung và đối tượng kiểm tra, tạo điều kiện cho doanh nghiệp phát triển sản xuất, kinh doanh theo quy định của pháp luật.

Việc thực hiện Quyết định số 36/2010/QĐ-TTg đã có những kết quả tích cực trong công tác phối hợp kiểm tra chất lượng sản phẩm, hàng hóa giữa các Bộ, ngành, địa phương, nâng cao được hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về chất



lượng sản phẩm, hàng hóa, giảm đáng kể sự chông chéo, trùng lặp về phạm vi, nội dung và đối tượng kiểm tra, giảm phiền hà để cho doanh nghiệp phát triển. Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được, qua hơn 12 năm triển khai Quyết định số 36/2010/QĐ-TTg, đến nay đã bộc lộ những hạn chế, bất cập, cần có tổng kết, đánh giá việc thi hành để đề xuất giải pháp nhằm nâng cao hiệu lực và hiệu quả quản lý nhà nước nói chung và của công tác phối hợp nói riêng. Cụ thể:

## **I. Kết quả thực hiện**

### **1. Kết quả chung**

Qua hơn 12 năm triển khai thực hiện Quyết định số 36/2010/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ đã đạt được kết quả đạt được như sau:

- Qua hơn 12 năm triển khai thực hiện Quyết định số 36/2010/QĐ-TT của Thủ tướng Chính phủ, hoạt động kiểm tra chất lượng sản phẩm, hàng hóa (CLSPHH) trong thời gian qua đã được quan tâm và chỉ đạo kịp thời của các Bộ quản lý chuyên ngành, UBND các cấp trong việc cụ thể hoá các quy định quản lý từ Trung ương đến địa phương.

- Công tác phối hợp kiểm tra, thanh tra từng bước được đẩy mạnh, duy trì thường xuyên, đã kịp thời phát hiện, ngăn chặn các hành vi vi phạm trong lĩnh vực chất lượng sản phẩm, hàng hóa, an toàn vệ sinh thực phẩm, gian lận thương mại và ghi nhãn hàng hoá trong những đợt cao điểm.

- Các Bộ ngành, địa phương chấp hành đúng các quy định trong công tác phối hợp, thực hiện theo đúng chuyên môn, nghiệp vụ, chế độ bảo mật theo quy định.

- Kịp thời phát hiện và có biện pháp ngăn chặn các sai phạm pháp luật về chất lượng sản phẩm, hàng hóa.

- Công tác thông tin tuyên truyền cho các cơ quan quản lý, các tổ chức, cá nhân sản xuất kinh doanh được tăng cường đẩy mạnh, góp phần nâng cao năng suất, CLSPHH của các doanh nghiệp.

### **2. Kết quả cụ thể**

Qua theo dõi, tổng hợp báo cáo của các Bộ, ngành, địa phương, kết quả triển khai tại địa phương như sau:

- 100% các Bộ quản lý chuyên ngành được luật phân công quản lý về chất lượng sản phẩm, hàng hóa, các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đã triển khai thực hiện Quyết định số 36/2010/QĐ-TTg;

- Về công tác trao đổi thông tin liên quan đến kết quả thực hiện các đề án, chương trình và kế hoạch kiểm tra của mỗi bên, thông tin về sản phẩm, hàng hóa không đạt chất lượng, hàng giả và kết quả xử lý đối với trường hợp sản phẩm, hàng hóa không đạt chất lượng, hàng giả ngày càng được các cơ quan thực hiện chức năng kiểm tra chất lượng sản phẩm, hàng hóa quan tâm và chia sẻ;

- Về công tác tổ chức hội nghị, hội thảo về tuyên truyền phổ biến pháp luật về và liên quan đến quản lý chất lượng sản phẩm hàng hóa, pháp luật về xử lý vi phạm hành chính, pháp luật về kiểm tra, xử lý kỷ luật trong thi hành pháp luật về



xử lý vi phạm hành chính, tăng cường công tác chỉ đạo, kiểm tra, giám sát việc thực hiện kỷ cương, kỷ luật hành chính được các Bộ, ngành, địa phương tăng cường về quy mô cho các đối tượng cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp và cá nhân liên quan nhằm nâng cao nhận thức về việc chấp hành pháp luật;

- Việc cử cán bộ tham gia hoạt động kiểm tra, xử lý vi phạm pháp luật về chất lượng sản phẩm, hàng hóa khi có yêu cầu ngày càng được thực hiện nghiêm túc và trách nhiệm hơn.

- Về việc chuyển hồ sơ cho cơ quan có thẩm quyền để xử lý phạm về chất lượng sản phẩm, hàng hóa ngày càng được đầy đủ, kịp thời và đúng cơ quan có thẩm quyền.

- Về công tác phối hợp tổ chức kiểm tra liên ngành ngày càng được tăng cường đối với đối tượng kiểm tra là nhiều loại sản phẩm, hàng hóa khác nhau mà các loại sản phẩm, hàng hóa đó thuộc trách nhiệm quản lý của nhiều ngành, lĩnh vực. Đặc biệt được tăng cường phối hợp kiểm tra đối với trường hợp cao điểm như các ngày lễ, tết nguyên đán, tết trung thu,...

- Về công tác phối hợp xây dựng kế hoạch ngày càng được các cơ quan thực hiện chức năng kiểm tra quan tâm, chia sẻ thông tin nhằm giảm thiểu chồng chéo, trùng lặp. Hiện nay đa số các địa phương đã xây dựng, ứng dụng phần mềm hỗ trợ xử lý chồng chéo, trùng lặp trong công tác xây dựng kế hoạch kiểm tra, thanh tra.

Theo báo cáo của công tác kiểm tra chất lượng sản phẩm, hàng hóa thuộc trách nhiệm quản lý của các Bộ, địa phương gửi Bộ Khoa học và Công nghệ tổng hợp các năm 2019, 2020 và 2021, kết quả như sau:

(1) các Bộ, ngành: năm 2019, trên 36.255 lượt cơ sở sản xuất, lưu thông và nhập khẩu, kiểm tra trên 160.192 lô sản phẩm, hàng hóa, phát hiện trên 12.670 cơ sở vi phạm (chiếm 34,9% số cơ sở được kiểm tra) và đã xử lý 12.669 cơ sở; năm 2020, là 22.811 lượt cơ sở sản xuất, lưu thông và nhập khẩu, kiểm tra 160.767 lô sản phẩm, hàng hóa, phát hiện 5.139 cơ sở vi phạm (chiếm 22,5 % số cơ sở được kiểm tra) và đã xử lý 5.127 cơ sở; năm 2021, là 47.616 lượt cơ sở sản xuất, lưu thông và nhập khẩu, kiểm tra trên 138.500 lô sản phẩm, hàng hóa, phát hiện 4.925 cơ sở vi phạm (chiếm 10,34% số cơ sở được kiểm tra) và đã xử lý 4.890 cơ sở;

(2) 53/63 địa phương có gửi báo cáo năm 2019 là trên 215.248 cơ sở sản xuất, lưu thông và nhập khẩu, trên 123.418 lô sản phẩm, hàng hóa được kiểm tra, qua đó phát hiện trên 23.639 cơ sở vi phạm (chiếm 10,9 % số cơ sở được kiểm tra) và đã xử lý 22.237 cơ sở; 61/63 địa phương gửi báo cáo năm 2020 là tổng số trên 127.700 cơ sở sản xuất, lưu thông và nhập khẩu, trên 942.600 lô sản phẩm, hàng hóa được kiểm tra, qua đó phát hiện trên 11.677 cơ sở vi phạm (chiếm 9,1% số cơ sở được kiểm tra) và đã xử lý 11.677 cơ sở; 59/63 địa phương gửi báo cáo năm 2021 là trên 180.000 cơ sở sản xuất, lưu thông và nhập khẩu, trên 130.000 lô sản phẩm, hàng hóa được kiểm tra, qua đó phát hiện trên 18.158 cơ sở vi phạm (chiếm 10,08% số cơ sở được kiểm tra) và đã xử lý 14.308 cơ sở.



## **II. Nhận xét, đánh giá tình hình thực hiện Quyết định số 36/2010/QĐ-TTg**

### **1. Hiệu quả đạt được**

- Các Bộ quản lý chuyên ngành theo phân công tại các luật liên quan đến chất lượng sản phẩm, hàng hóa đã chủ động trong công tác xây dựng, tham mưu ban hành văn bản liên quan đến công tác quản lý CLSPHH; ban hành Danh mục sản phẩm, hàng hóa nhóm 2 giúp các cơ quan quản lý chuyên ngành của địa phương có căn cứ pháp lý triển khai thực hiện nhiệm vụ phối hợp kiểm tra CLSPHH theo phân cấp được giao tại các luật và Nghị định liên quan. Đồng thời, chủ động thực hiện công tác kiểm tra thường xuyên, theo chuyên đề, theo kế hoạch dựa trên việc đánh giá rủi ro và diễn biến của thực tiễn sản xuất, kinh doanh đã giúp ngăn ngừa, phát hiện hành vi vi phạm pháp luật, bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng.

- Cơ quan đầu mối theo dõi công tác quản lý chất lượng đã được định rõ, do đó việc theo dõi, tổng hợp tình hình về chất lượng sản phẩm, hàng hóa được hiệu quả hơn để tham mưu xây dựng kế hoạch kiểm tra về chất lượng sản phẩm, hàng hóa có nhiều thuận lợi.

- Công tác kiểm tra, xử lý vi phạm về chất lượng được các cơ quan chức năng liên quan đẩy mạnh, phát hiện và xử lý kịp thời các hành vi vi phạm, đã có những chuyển biến tích cực, từng bước đi vào ổn định, góp phần tạo sự thống nhất, tránh sự chồng chéo, bỏ sót trong công tác quản lý nhà nước; ý thức chấp hành pháp luật của các tổ chức, cá nhân tham gia sản xuất, kinh doanh, nhận thức của người tiêu dùng ngày càng được nâng lên.

- Công tác phối hợp, địa bàn và nội dung phối hợp trong kiểm tra CLSPHH ngày càng được quan tâm và thường xuyên hơn. Số cuộc kiểm tra liên ngành về chất lượng sản phẩm, hàng hóa đã được thực hiện với tần suất tăng lên đối với một số nhóm mặt hàng như xăng dầu; đồ chơi trẻ em; an toàn vệ sinh thực phẩm, vật tư nông nghiệp, vật liệu xây dựng...; công tác phối hợp xử lý các vi phạm được thực hiện một cách kịp thời, nhanh chóng.

### **2. Tồn tại và khó khăn, vướng mắc**

#### **a. Tồn tại**

Để công tác phối hợp giữa các cơ quan thanh tra, kiểm tra chuyên ngành ở Trung ương với cơ quan thanh tra, kiểm tra chuyên ngành ở địa phương được thống nhất, tránh trùng lặp, chồng chéo và đúng tinh thần tại Chỉ thị số 20/CT-TTg ngày 17/5/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc chấn chỉnh hoạt động thanh tra, kiểm tra "khi xây dựng, phê duyệt kế hoạch thanh tra hàng năm không để xảy ra tình trạng thanh tra, kiểm tra quá 01 lần/năm" đối với doanh nghiệp trong lĩnh vực tiêu chuẩn đo lường chất lượng và nâng cao hiệu quả, hiệu lực trong thời gian tới, việc tổng kết, đánh giá thực trạng công tác phối hợp giữa các cơ quan kiểm tra, xử phạt vi phạm hành chính và cung cấp các thông tin về việc triển khai thực hiện Quyết định số 36/2010/QĐ-TTg là hết sức cần thiết. Trên cơ sở nội dung tổng kết, đánh giá, ý kiến của các Bộ, ngành, địa phương, nghiên cứu, phân tích các tồn tại, bất cập và nguyên nhân của các tồn tại bất cập qua quá trình triển khai Quyết định số 36/2010/QĐ-TTg cho thấy một số tồn tại chủ yếu sau:



## - Về phối hợp trong công tác chia sẻ thông tin và xây dựng kế hoạch

Theo quy định của Luật TC&QCKT; Luật CLSPHH và các Nghị định của Chính phủ hướng dẫn thi hành 02 Luật này đã phân công cho các Bộ, cơ quan ngang Bộ quản lý chuyên ngành thực hiện việc xây dựng, ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia (QCVN), và đến nay có khoảng hơn 800 QCVN do 13 Bộ quản lý chuyên ngành<sup>1</sup> ban hành QCVN cho các lĩnh vực thuộc chức năng, nhiệm vụ quản lý nhà nước của Bộ quản lý chuyên ngành; đồng thời, tại các Luật, Nghị định đã giao cho các Bộ quản lý chuyên ngành, địa phương theo chức năng và thẩm quyền có trách nhiệm thanh tra, kiểm tra việc chấp hành pháp luật về tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật, chất lượng sản phẩm, hàng hóa trong phạm vi thuộc trách nhiệm quản lý nhà nước của Bộ chuyên ngành, địa phương<sup>2</sup>.

Theo thống kê sơ bộ có khoảng 70<sup>3</sup> đầu mối thuộc các Bộ quản lý chuyên ngành thực hiện thanh tra, kiểm tra, trong đó có hơn 58<sup>4</sup> cơ quan là Tổng cục, cục hoặc tương đương (song song với 13 cơ quan Thanh tra Bộ) trực thuộc 13 Bộ quản lý chuyên ngành được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành, trong đó có tới hơn 3/4 cơ quan này có chức năng kiểm tra về tiêu chuẩn, chất lượng sản phẩm, hàng hóa theo quy định tại 38 Luật chuyên ngành<sup>5</sup>. Có những Bộ thực hiện chức năng quản lý nhà nước đối với ngành, lĩnh vực rộng đã ban hành hơn 200 QCVN<sup>6</sup> và giao trách nhiệm kiểm tra việc thực hiện tuân thủ các quy

<sup>1</sup> (1)-Bộ CT (74 QCVN); (2)-Bộ NN&PTNT (232 QCVN); (3)-Bộ GTVT (111 QCVN); (4)-Bộ XD (30 QCVN); (5)-Bộ TTTT (131 QCVN); (6)-Bộ LĐT&XH (27 QCVN); (7)-Bộ VHTTDL (01 QCVN); (8)-Bộ YT (72 QCVN); (9)-Bộ TNMT (75 QCVN); (10)-Bộ TC (44 QCVN); (11)-Bộ KH&CN (23); (12)-Bộ CA (7 QCVN); (13)-Bộ QP (12 QCVN).

<sup>2</sup> Các Điều 69, 70 Luật CLSPHH; Các Điều 59, 60 Luật TC&QCKT; các Điều 21, 31, 32, Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31/12/2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật CLSPHH được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Nghị định số 74/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018; Điều 25 Nghị định số 127/2007/NĐ-CP ngày 01/8/2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật TC&QCKT.

<sup>3</sup> 13 Bộ chuyên ngành ban hành QCVN có 13 cơ quan Thanh tra thuộc Bộ và khoảng 70 Cục, Tổng cục và tương đương thuộc các Bộ quản lý chuyên ngành theo các Nghị định của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các Bộ và Quy chế của các Tổng cục, cục.

<sup>4</sup> Bộ Công thương có 10, Bộ Giao Thông có 05; Bộ Kế hoạch và Đầu tư có 02; Bộ Khoa học và Công nghệ có 03; Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội có 03; Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có 10; Bộ Tài nguyên và môi trường có 03; Bộ Tài chính có 06; Bộ Thông tin và truyền thông có 05; Bộ Y tế có 06; Bộ Công an có 01;... theo Phụ lục 1 kèm theo Báo cáo số 621/BC-TTCT ngày 27/4/2022 của Thanh tra Chính phủ tổng kết thi hành Luật Thanh tra năm 2010.

<sup>5</sup> 38 luật chuyên ngành theo kết quả rà soát tại thuvienphapluat. Ví dụ: Luật Trồng trọt 2018; Luật Chăn nuôi 2018; Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ sửa đổi 2019; Luật an toàn thông tin mạng 2015; Luật Bảo vệ môi trường 2020; Luật Đo đạc và bản đồ 2018; Luật sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả 2010; Luật phòng cháy, chữa cháy sửa đổi 2013; Luật Kiến trúc 2019; Luật Phòng, chống thiên tai; Luật Dê điều; Luật Xây dựng; Luật thống kê; Luật Dược; Luật Thể dục, thể thao; Luật viễn thông; Luật an toàn thực phẩm; Luật khí tượng thủy văn; ...

<sup>6</sup> Bộ NNPTNT (Cục Trồng trọt; Cục Bảo vệ thực vật; Cục Chăn nuôi; Cục Thú y; Cục Quản lý xây dựng công trình; Cục Chất lượng, Chế biến và Phát triển thị trường; Cục Thủy lợi; Cục Quản lý đê điều và Phòng, chống thiên tai; Cục Lâm nghiệp; Cục Kiểm lâm; Cục Thủy sản; Cục Kiểm ngư); Bộ TNMT (Tổng cục Khí tượng Thủy văn; Cục Biến đổi khí hậu; Cục Đo đạc, Bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam; Cục Kiểm soát ô nhiễm môi trường; Cục Quản lý tài nguyên nước; Cục Quy hoạch và Phát triển tài nguyên đất; Cục Viễn thám quốc gia; Cục Khoáng sản Việt Nam; ...).



định của QCVN cho khoảng 10 Tổng cục, cục trực thuộc Bộ.

Qua rà soát cho thấy, hầu hết kế hoạch kiểm tra chuyên ngành hằng năm của các Tổng cục, cục do các Tổng cục, cục xây dựng và ban hành, còn đối với kế hoạch thanh tra hằng năm thì do Thanh tra Bộ xây dựng và trình Bộ trưởng phê duyệt, chỉ có một số Bộ, trong đó có Bộ Khoa học và Công nghệ thì kế hoạch thanh tra và kế hoạch kiểm tra chuyên ngành (theo chức năng của Tổng cục, cục) được Thanh tra Bộ tổng hợp thành 01 kế hoạch là "Kế hoạch thanh tra, kiểm tra" để trình Bộ trưởng phê duyệt. Ngoài ra, quá trình thu thập thông tin để xây dựng kế hoạch kiểm tra chuyên ngành hằng năm của các Tổng cục, cục cũng như xây dựng kế hoạch Thanh tra hằng năm của cơ quan Thanh tra thường chỉ được thực hiện trong nội bộ Tổng cục, cục, cơ quan Thanh tra, chưa có sự mở rộng thông tin, lấy ý kiến góp ý từ các cơ quan khác có liên quan về dự thảo kế hoạch. Vấn đề này đã dẫn đến việc chồng chéo, trùng lặp nội dung, đối tượng trong các kế hoạch kiểm tra giữa các cơ quan kiểm tra khác nhau, cũng như trùng lặp với kế hoạch thanh tra của cơ quan thanh tra. Một vấn đề thực tế hiện nay, ngay bản thân các cơ quan kiểm tra cũng không xác định được đối tượng thanh tra tại kế hoạch do mình phê duyệt có bị chồng chéo, trùng lặp với đối tượng của cơ quan kiểm tra ngay chính trong cùng một Bộ hay không, mà chỉ có được thông tin trùng lặp khi thực hiện kiểm tra do đối tượng kiểm tra cung cấp thông tin.

Việc mỗi cơ quan kiểm tra chuyên ngành có kế hoạch kiểm tra riêng như nêu trên, chưa có sự phân công cho một cơ quan đầu mối rà soát, tổng hợp chung, dẫn đến ngay trong 01 Bộ đã có nhiều cơ quan kiểm tra cùng 01 tổ chức, doanh nghiệp. Khi không có sự thống nhất, phối hợp trong công tác xây dựng kế hoạch kiểm tra chuyên ngành giữa các cơ quan này, nếu tính riêng kiểm tra chuyên ngành trong 01 Bộ về việc chấp hành pháp luật tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật, chất lượng sản phẩm, hàng hóa đối với 01 tổ chức, doanh nghiệp thì có thể sẽ lên đến hàng chục cuộc kiểm tra trong 01 năm, gây ảnh hưởng lớn đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp. Trong khi thực tiễn hiện nay, 01 tổ chức, doanh nghiệp có hoạt động liên quan đến nhiều lĩnh vực thuộc quản lý nhà nước của nhiều Bộ, dẫn đến số lượng lớn cơ quan kiểm tra của nhiều Bộ cùng thực hiện kiểm tra chuyên ngành trong cùng 01 năm. Ví dụ như các Trung tâm Tiêu chuẩn đo lường chất lượng 1, 2, 3 của Bộ KH&CN được hầu hết các Bộ quản lý chuyên ngành chỉ định thực hiện đánh giá sự phù hợp đối với hàng hóa nhóm 2 thuộc trách nhiệm quản lý nhà nước của các Bộ, do đó hằng năm, các tổ chức này đã phải chịu sự kiểm tra của không dưới 10 Đoàn kiểm tra chuyên ngành của các Bộ, chưa kể đến các Đoàn thanh tra, kiểm toán.

Ngoài ra, hiện nay một số cơ quan thuộc Bộ, địa phương đã xây dựng kế hoạch kiểm tra, kiểm tra liên ngành trong đó có nội dung kiểm tra về tiêu chuẩn đo lường chất lượng nhưng trong Quyết định phê duyệt kế hoạch đã giao cơ quan chủ trì Đoàn kiểm tra là cơ quan không có chức năng kiểm tra về tiêu chuẩn đo lường chất lượng. Vấn đề này dẫn đến trái với các quy định về chức năng, thẩm quyền, đồng thời khi phát hiện vi phạm hành chính sẽ khó khăn trong việc xử lý theo pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.



- Về phối hợp trong công tác triển khai kế hoạch

Về nguyên tắc quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hóa được quản lý trên cơ sở tiêu chuẩn công bố áp dụng, quy chuẩn kỹ thuật tương ứng<sup>7</sup>, mà để xác định được chất lượng sản phẩm, hàng hóa thì phải thông qua tổ chức đánh giá sự phù hợp (DGSPH) có năng lực về điều kiện đối với nhân lực, hệ thống quản lý, kỹ thuật, đo lường theo quy định của pháp luật để đo lường, thử nghiệm, giám định, chứng nhận.

Theo Luật TC&QCKT giao trách nhiệm cho các Bộ, ngành “*Kiểm tra, thanh tra về hoạt động trong lĩnh vực quy chuẩn kỹ thuật; xử lý vi phạm theo quy định của pháp luật*”<sup>8</sup>, theo đó có công tác kiểm tra, thanh tra về hoạt động DGSPH theo thẩm quyền được Luật và Nghị định phân công cho các Bộ, ngành khi chỉ định các tổ chức này phục vụ quản lý nhà nước trong phạm vi quản lý chất lượng thuộc trách nhiệm của các Bộ, ngành; Luật Đo lường và Nghị định quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đo lường đã giao trách nhiệm cho Bộ KH&CN, UBND các cấp thực hiện việc quản lý nhà nước về đo lường trong phạm vi địa phương theo phân cấp của Chính phủ “*thực hiện việc thanh tra, kiểm tra đo lường trong ngành, lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước được phân công*”<sup>9</sup>. Tuy nhiên, quá trình triển khai thi hành Luật TC&QCKT, Luật Đo lường, đến nay thực tiễn các Bộ quản lý chuyên ngành, địa phương thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra về chất lượng sản phẩm, hàng hóa có liên quan đến tiêu chuẩn, DGSPH, đo lường thì chưa có cơ chế phối hợp để các Bộ, ngành triển khai có hiệu quả, hiệu lực.

Ngoài ra, hoạt động trong lĩnh vực tiêu chuẩn đo lường chất lượng là các hoạt động có liên quan đến kỹ thuật chuyên ngành, yêu cầu đáp ứng được các quy định về hàng rào kỹ thuật trong thương mại (TBT) theo Điều ước quốc tế mà Việt Nam là Thành viên, thực hiện đo lường, đánh giá chất lượng phải phù hợp với tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, yêu cầu kỹ thuật đo lường, thông lệ quốc tế, hướng dẫn của Tổ chức tiêu chuẩn hóa quốc tế (ISO), Ủy ban kỹ thuật điện quốc tế (IEC), Liên minh Viễn thông Quốc tế (ITU), Diễn đàn công nhận quốc tế (IAF), Tổ chức công nhận Phòng thí nghiệm quốc tế (ILAC), Tổ chức đo lường pháp định quốc tế (OIML), Văn phòng Cân đo Quốc tế (BIPM) và các quốc tế khác có liên quan. Do đó, việc việc thanh tra, kiểm tra trong lĩnh vực tiêu chuẩn đo lường chất lượng cần có những người có năng lực thuộc các tổ chức công nhận, tổ chức đánh giá sự phù hợp, tổ chức kiểm định, hiệu chuẩn thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường (gọi chung là tổ chức kỹ thuật) để tham gia, phối hợp trong quá trình triển khai thanh tra, kiểm tra nhà nước, bảo đảm hiệu lực, hiệu quả hơn và đúng với yêu cầu kỹ thuật liên quan.

Để công tác phối hợp giữa các cơ quan thanh tra, kiểm tra chuyên ngành ở Trung ương với cơ quan thanh tra, kiểm tra chuyên ngành ở địa phương được thống

<sup>7</sup> Điều 5 Luật CLSPHH.

<sup>8</sup> Điều 59 và Điều 60 Luật TC&QCKT

<sup>9</sup> Điểm c khoản 1 Điều 55, điểm đ và điểm e Điều 56 Luật Đo lường.



nhất, tránh trùng lặp, chồng chéo và đúng tinh thần tại Chỉ thị số 20/CT-TTg ngày 17/5/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc chấn chỉnh hoạt động thanh tra, kiểm tra đối với doanh nghiệp trong lĩnh vực tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng và nâng cao hiệu quả, hiệu lực trong thời gian tới, việc tổng kết, đánh giá thực trạng công tác phối hợp giữa các cơ quan kiểm tra, xử phạt vi phạm hành chính và cung cấp các thông tin về việc triển khai thực hiện Quyết định số 36/2010/QĐ-TTg là hết sức cần thiết. Trên cơ sở nội dung tổng kết, đánh giá, ý kiến của các Bộ, ngành, địa phương, nghiên cứu, phân tích các tồn tại, bất cập và nguyên nhân của các tồn tại bất cập để đề xuất phương án sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế Quyết định số 36/2010/QĐ-TTg nhằm bảo đảm phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và đáp ứng với yêu cầu thực tiễn.

- Về lĩnh vực phối hợp

Hiện nay, Quy chế phối hợp kiểm tra chất lượng sản phẩm, hàng hóa ban hành theo Quyết định số 36/2010/QĐ-TTg có phạm vi điều chỉnh về kiểm tra chất lượng sản phẩm, hàng hóa, chưa rõ và đầy đủ lĩnh vực tiêu chuẩn đo lường chất lượng theo 03 Luật TC&QCKT; Luật Đo lường và Luật CLSPHH. Cụ thể:

Tại điểm đ khoản 3 Điều 21 Nghị định Nghị định số 132/2008/NĐ-CP đã giao Bộ Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với các Bộ quản lý ngành, lĩnh vực “*xây dựng và trình Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế phối hợp giữa các cơ quan kiểm tra ... trong việc kiểm tra chất lượng sản phẩm, hàng hóa thuộc phạm vi được phân công ...*”, và tại khoản 1 và khoản 2 Điều 21 này đã giao cho các Bộ quản lý ngành, lĩnh vực và địa phương quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hóa theo lĩnh vực được phân công, phân cấp tại Luật CLSPHH, Nghị định số 132/2008/NĐ-CP và các Nghị định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các Bộ.

Tuy nhiên, theo quy định Luật CLSPHH, tại các Điều 45, 68, 69 và Điều 70 đã giao trách nhiệm cho các Bộ quản lý ngành, lĩnh vực theo phân công, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương theo phân cấp thực hiện quản lý nhà nước về chất lượng sản phẩm, hàng hóa, theo đó các Bộ quản lý ngành, lĩnh vực, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm tổ chức thực hiện công tác kiểm tra<sup>10</sup>, thanh tra<sup>11</sup> về việc chấp hành pháp luật chất lượng sản phẩm, hàng hóa; đồng thời, tại khoản 1 Điều 5 nguyên tắc quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hóa của thì “*chất lượng sản phẩm, hàng hóa được quản lý trên cơ sở tiêu chuẩn công bố áp dụng, quy chuẩn kỹ thuật tương ứng*”, và theo quy định tại Điều 27, Điều 53 Luật CLSPHH thì kiểm tra, thanh tra về chất lượng sản phẩm, hàng hóa gồm kiểm tra, thanh tra việc áp dụng yêu cầu quy định trong quy chuẩn kỹ thuật liên quan đến điều kiện của quá trình sản xuất và các biện pháp quản lý nhà nước về chất lượng, kết quả đánh giá sự phù hợp, nhãn hàng hóa, dấu hợp chuẩn, dấu hợp quy, thử nghiệm mẫu theo tiêu chuẩn đã công bố áp dụng, quy chuẩn kỹ thuật tương ứng khi cần thiết,... Đồng thời, theo Luật

<sup>10</sup> Các Điều 45, 46 và Điều 47 Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa

<sup>11</sup> Điều 52 Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa



TC&QCKT, tại khoản 1 và khoản 2 Điều 3 thì “*tiêu chuẩn là quy định về đặc tính kỹ thuật và yêu cầu quản lý dùng làm chuẩn để phân loại, đánh giá sản phẩm, hàng hoá...*” và “*quy chuẩn kỹ thuật là quy định về mức giới hạn của đặc tính kỹ thuật và yêu cầu quản lý mà sản phẩm, hàng hoá...*”, mà để xác định đặc tính kỹ thuật thì các tổ chức đánh giá sự phù hợp khi thực hiện đo lường phải thực hiện theo quy định của Luật ĐL và văn bản quy phạm pháp luật về đo lường; trong khi đó, tại Điều 42 đến Điều 49 Luật Đo lường đã giao trách nhiệm cho cơ quan nhà nước về đo lường có thẩm quyền có trách nhiệm kiểm tra, thanh tra việc chấp hành pháp luật về đo lường, đồng thời Điều 46 quy định cơ quan nhà nước về đo lường có thẩm quyền chủ trì, phối hợp với cơ quan, tổ chức có liên quan thực hiện kiểm tra nhà nước về đo lường trong phạm vi được giao; tại các Điều 59, 60, 61 và từ Điều 64 đến Điều 68 Luật TC&QCKT cũng đã giao trách nhiệm của Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thực hiện kiểm tra, thanh tra về hoạt động trong lĩnh vực quy chuẩn kỹ thuật. Do đó, trách nhiệm quản lý nhà nước và công tác kiểm tra, thanh tra theo 03 hệ thống Luật TC&QCKT, Luật Đo lường, Luật CLSPHH là một thể thống nhất, gắn kết hữu cơ chặt chẽ với nhau.

#### - Về cơ quan phối hợp

Tại điểm đ khoản 3 Điều 21 Nghị định Nghị định số 132/2008/NĐ-CP đã giao Bộ Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với các Bộ quản lý ngành, lĩnh vực “*xây dựng và trình Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế phối hợp giữa các cơ quan kiểm tra ..... với các cơ quan thanh tra, cơ quan hải quan, công an, quản lý thị trường*”. Do đó, Quyết định số 36/2010/QĐ-TTg ngày 15/4/2010 ngày 15/4/2010 của Thủ tướng Chính phủ ban hành “Quy chế phối hợp kiểm tra chất lượng sản phẩm, hàng hoá” chưa đề cập đến công tác phối hợp giữa các cơ quan thanh tra trong hoạt động thanh tra thuộc lĩnh vực tiêu chuẩn đo lường chất lượng. Mặc dù, công tác phối hợp giữa các cơ quan thanh tra thực hiện theo quy định của pháp luật thanh tra, tuy nhiên để bảo đảm tính toàn diện trong công tác phối hợp thì cần thiết có quy định mang tính nguyên tắc tại Quy chế phối hợp nhằm bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ hiệu quả trong quản lý nhà nước.

Với lý do nêu trên, để bảo đảm tính trọng tâm, trọng điểm tránh trùng lặp, chồng chéo về đối tượng, nội dung kiểm tra, thanh tra thuộc lĩnh vực tiêu chuẩn đo lường chất lượng thì cần thiết xây dựng Quy chế phối hợp kiểm tra, thanh tra rõ và đầy đủ hơn về lĩnh vực tiêu chuẩn đo lường chất lượng.

#### **b) Khó khăn, vướng mắc**

Việc quản lý nhà nước về tiêu chuẩn đo lường chất lượng được thực hiện trên 03 Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật, Luật Đo lường và Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa, và trên 03 lĩnh vực này, các Luật đều giao trách nhiệm cho các Bộ, ngành, địa phương trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm thực hiện việc thanh tra, kiểm tra việc chấp hành pháp luật của tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp trong việc thực thi pháp luật về tiêu chuẩn đo lường chất lượng.

Triển khai thi hành 03 Luật nêu trên, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, các



Bộ, ngành đã ban hành các văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật. Tại các văn bản quy phạm pháp luật này đã giao cho các Bộ, ngành, địa phương trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn quản lý nhà nước của mình có trách nhiệm tổ chức kiểm tra về tiêu chuẩn đo lường chất lượng sản phẩm, hàng hóa theo các hình thức như: kiểm tra theo kế hoạch hằng năm; kiểm tra đột xuất; kiểm tra theo chuyên đề. Tuy nhiên, việc xây dựng kế hoạch kiểm tra đã và đang thực hiện theo hướng đánh giá, nhận định riêng về yêu cầu cấp thiết quản lý của các Bộ, ngành địa phương, thiếu tính tập trung, thống nhất và tính phối hợp từ Trung ương đến địa phương, dẫn đến kế hoạch kiểm tra giữa các Bộ, ngành, địa phương đã trùng lặp về đối tượng (tổ chức, doanh nghiệp), phạm vi kiểm tra. Vấn đề này đã dẫn đến 01 tổ chức, doanh nghiệp trong một năm phải chịu kiểm tra nhiều lần của nhiều cơ quan chuyên môn của các Bộ, ngành, địa phương.

Hơn nữa, bên cạnh công tác kiểm tra, theo hệ thống pháp luật về tiêu chuẩn đo lường chất lượng giao trách nhiệm thực hiện thanh tra, thì theo quy định tại Luật Thanh tra năm 2010 và nay là Luật Thanh tra năm 2022 có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2023 đã quy định nguyên tắc hoạt động thanh tra “Không trùng lặp về phạm vi, thời gian giữa các cơ quan thanh tra, giữa cơ quan thanh tra với cơ quan kiểm toán nhà nước; không trùng lặp trong việc thực hiện quyền khi tiến hành thanh tra”, căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao, Thủ trưởng cơ quan thanh tra phân công người thu thập thông tin có liên quan để làm rõ sự cần thiết tiến hành thanh tra, bảo đảm việc thanh tra có trọng tâm, trọng điểm, tránh chồng chéo, trùng lặp. Tuy nhiên thực tế hiện nay, việc thu thập, trao đổi thông tin, xây dựng kế hoạch thanh tra và tổ chức tiến hành thanh tra giữa các cơ quan thanh tra cũng đã và đang còn nhiều chồng chéo, trùng lặp về đối tượng thanh tra, kiểm tra, đặc biệt trong lĩnh vực quản lý CLSPHH. Công tác phối hợp trong chia sẻ thông tin, dữ liệu còn hạn chế, bị động ảnh hưởng đến các cơ quan chức năng kiểm tra, xử lý vi phạm.

Đồng thời, theo quy định của Luật Xử lý vi phạm hành chính thì thẩm quyền xử lý vi phạm hành chính lại được pháp luật giao cho nhiều cơ quan khác nhau, bao gồm: cơ quan Thanh tra thuộc các Bộ, ngành quản lý lĩnh vực; Thanh tra thuộc UBND tỉnh, Thành Phố trực thuộc Trung ương và Thanh tra thuộc Sở, Ban, ngành thuộc UBND các tỉnh; cơ quan được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành (như Tổng cục, cục, Chi cục,...) và thẩm quyền xử lý vi phạm hành chính giữa các cơ quan có sự khác nhau về mức tiền phạt, do đó, trường hợp hành vi vi phạm của tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp có mức tiền phạt vượt mức tiền phạt tối đa của người có thẩm quyền đang giải quyết vụ việc thì người đang giải quyết vụ việc này phải chuyển vụ vi phạm đến cấp có thẩm quyền xử phạt. Tuy nhiên, qua thực tiễn thi hành pháp luật xử lý vi phạm hành chính cho thấy, hồ sơ chuyên vụ vi phạm đến cấp có thẩm quyền xử phạt thường chưa bảo đảm đầy đủ và toàn diện về chứng cứ pháp lý đối với hành vi vi phạm do có sự khác nhau về chuyên môn, nghiệp vụ chuyên ngành. Đó cũng là lý do tại các văn bản quy phạm pháp luật chuyên ngành phải quy định phân công, phân cấp quản lý. Ngoài ra, việc xử lý vi phạm hành chính đối với nhiều vụ việc không phải do



chính cơ quan chủ trì, thanh tra, kiểm tra thực hiện, mà do quá trình thanh tra, kiểm tra chuyên ngành đã phát hiện hành vi vi phạm pháp luật thuộc trách nhiệm quản lý của cơ quan quản lý chuyên ngành khác, nên phải chuyển hồ sơ cho cơ quan có thẩm quyền thực hiện xử lý vi phạm, tuy nhiên hồ sơ xử lý vi phạm được lập chưa phù hợp với quy định của pháp luật chuyên ngành dẫn đến cơ quan nhận hồ sơ xử lý vi phạm hành chính chưa kịp thời ra quyết định xử lý vi phạm hành chính ngay mà phải xác minh làm rõ các chứng cứ để bổ sung hồ sơ.

Hiện nay công tác phối hợp kiểm tra chất lượng được Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 36/2010/QĐ-TTg ngày 15/4/2010 ban hành “Quy chế phối hợp kiểm tra CLSPHH”, nhưng Quy chế này chưa điều chỉnh đầy đủ và toàn diện công tác phối hợp theo các quy định của pháp luật nêu trên. Công tác phối hợp tại Quy chế này mới tập trung trong công tác phối hợp kiểm tra CLSPHH, chưa quy định được tính toàn diện của lĩnh vực tiêu chuẩn đo lường chất lượng.

### **III. Đề xuất, kiến nghị**

#### **1. Về phạm vi điều chỉnh**

Để bảo đảm tính tổng thể, toàn diện cần thiết phải xem xét để sửa đổi phạm vi điều chỉnh của Quy chế phối hợp kiểm tra CLSPHH theo hướng đầy đủ lĩnh vực tiêu chuẩn đo lường chất lượng. Đồng thời, xem xét cần có sự tham gia của cơ quan thanh tra làm trung tâm cho công tác thanh tra, kiểm tra được hiệu quả, hiệu lực hơn.

#### **2. Về nội dung của Quy chế phối hợp**

Qua hơn 12 năm triển khai thực hiện Quyết định số 36/2010/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ bên cạnh những kết quả đạt được, cần thiết phải sửa đổi Quy chế phối hợp theo hướng kế thừa những điểm tích cực, khắc phục những tồn tại, khó khăn như sau:

- Tiếp tục tăng cường trách nhiệm của người đứng đầu của các cơ quan quản lý nhà nước trong việc kiểm tra, thanh tra về tiêu chuẩn đo lường chất lượng, đặc biệt là trách nhiệm chỉ đạo điều hành của Bộ trưởng, Chủ tịch UBND cấp tỉnh;

- Xác định rõ nguyên tắc xử lý chồng chéo, trùng lặp, trách nhiệm của người xử lý chồng chéo, trùng lặp trong công tác kiểm tra, thanh tra;

- Cần thiết phải có cơ quan đầu mối giúp Bộ trưởng, Chủ tịch UBND cấp tỉnh tổng hợp thông tin, xử lý thông tin, điều phối thông tin về tiêu chuẩn đo lường chất lượng nhằm khắc phục chồng chéo, trùng lặp ngay từ khi xây dựng kế hoạch kiểm tra, thanh tra;

- Xác định tầm quan trọng hơn nữa về vai trò của thông tin liên quan đến công tác kiểm tra, thanh tra về tiêu chuẩn đo lường chất lượng;

- Phân định rõ hơn trách nhiệm của cơ quan đầu mối, cơ quan chủ trì, cơ quan phối hợp trong việc tổng hợp, xử lý thông tin, xây dựng kế hoạch và triển khai thực hiện kế hoạch kiểm tra, thanh tra về tiêu chuẩn đo lường chất lượng. Đồng thời tăng cường hơn nữa chuyên môn, nghiệp vụ về tiêu chuẩn đo lường chất lượng nhằm bảo đảm kết quả kiểm tra, thanh tra được chính xác.



Trên đây là Báo cáo tình hình triển khai thực hiện Quyết định số 36/2010/QĐ-TTg ngày 15/4/2010 của Thủ tướng Chính phủ ban hành “Quy chế phối hợp kiểm tra chất lượng sản phẩm, hàng hóa”, Bộ Khoa học và Công nghệ kính báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét. /

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Văn phòng Chính phủ (để phối hợp);
- Lưu: VT, TĐC.

**KT. BỘ TRƯỞNG  
THỨ TRƯỞNG**



**Lê Xuân Định**

